

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C P
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 3 năm 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C P, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Thun Phrô

2. Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc Như P, sinh năm 1995

Trú tại: 09 K D V, thị trấn N H, huyện C P, tỉnh G. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn X H, xã A X, huyện T A, tỉnh P Y. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, bản tự khai ngày 18/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Như P trình bày:*

- Về hôn nhân: Sau thời gian tự tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chúng tôi tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A X, huyện T A, tỉnh P Y vào ngày 18/10/2016. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được 04 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không đồng quan điểm thường xuyên cãi vã. Anh Đ không quan tâm vợ con. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Tôi cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục

được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Tôi và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 21/12/2016 và Nguyễn Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 18/9/2017.

Hiện hai cháu đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/3/2022.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 27/12/2021 và Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 25/11/2021 anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/10/2016 tại xã A X, huyện T A, tỉnh P Y. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau khi sinh xong đứa thứ hai thì chị P đã đưa cả hai cháu về nhà bố mẹ để sống từ năm 2017 và chúng tôi không còn sống chung từ thời gian đó đến nay. Nay chị P xin ly hôn, tôi cũng nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của chúng tôi đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không thể quay về với nhau được nữa.

- Về con chung: Tôi và chị P có hai con chung là Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 21/12/2016 và Nguyễn Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 18/9/2017.

Hiện nay các con tôi còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn, đồng thời tôi cũng đi làm xa, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con nên tôi đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng và tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 4.000.000 đồng theo nguyện vọng của chị P.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh G tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Huỳnh Ngọc Như P và anh Nguyễn Tấn Đ

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 21/12/2016 và Nguyễn Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Huỳnh Ngọc Như P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tấn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu một tháng 4.000.000 đồng, kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi các cháu Nguyễn Huỳnh C và Nguyễn Huỳnh Hoàng A thành niên (đủ 18 tuổi).

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị Huỳnh Ngọc Như P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Huỳnh Ngọc Như P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết; nguyên đơn có nơi cư trú tại thị trấn N H, huyện C P, tỉnh G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc Như P và anh Nguyễn Tấn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A X, huyện T A, tỉnh P Y vào ngày 18/10/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2016 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2017 thì anh Đ và chị P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống hai bên không hợp nhau. Anh Đ và chị P đã không còn chung sống với nhau từ tháng năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Huỳnh Ngọc Như P và anh Nguyễn Tấn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh Đ thực sự đã không tồn tại kể từ năm 2017 cho đến nay; Chị P yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Huỳnh Ngọc Như P được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ là hợp lý.

- Về con chung: Anh Đ và chị Phụng có hai con chung là Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 21/12/2016 và Nguyễn Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 18/9/2017.

Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 cháu; Hiện cả 02 cháu đều sống với chị P được chị P chăm sóc phát triển bình thường. Anh Đ đồng ý giao hai con chung cho chị P nuôi dưỡng. Do đó giao cả 02 cháu Nguyễn Huỳnh C và Nguyễn Huỳnh Hoàng A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng của chị Huỳnh Ngọc Như P là cao so với mức sống trung bình tại địa phương; tuy nhiên, tại khai ngày 15/02/2022 anh Đ thừa nhận hiện là tài xế chạy xe ô tô chở tổng giám đốc, thu nhập hàng tháng 18.000.000 đồng, cùng với tiền thưởng; nên đồng ý mức cấp dưỡng như chị P yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị P. Buộc anh Nguyễn Tiến Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu một tháng 4.000.000 đồng, kể từ ngày 01/3/2022.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc Như Phụng

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc Như P ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Huỳnh C, sinh ngày 21/12/2016 và Nguyễn Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 18/9/2017 cho chị Huỳnh Ngọc Như P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tiến Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu một tháng 4.000.000 đồng, kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi các cháu Nguyễn Huỳnh C và Nguyễn Huỳnh Hoàng A thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chi Huỳnh Ngọc Như P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005721, ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, tỉnh G.

Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C P;
- Chi Cục THS DS huyện C P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh